

Số: /BKHCN-CVT

V/v thực hiện quy hoạch mã vùng điện thoại cố định do sắp xếp tỉnh/thành phố theo Nghị quyết số 202/2025/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất, di động mặt đất

Ngày 12/6/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó cả nước có 34 tỉnh/thành phố (thay vì 63 tỉnh/thành phố như trước đây). Việc thay đổi, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh này ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch mã vùng điện thoại cố định theo quy hoạch kho số viễn thông ban hành tại Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/9/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 27/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021.

Để đảm bảo hoạt động cho thuê bao điện thoại cố định khi có sự sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất, di động mặt đất thực hiện **kể từ ngày 01/7/2025** như sau:

1. Mã vùng điện thoại cố định của 11 tỉnh/thành phố không có sự biến động, thay đổi theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 (bao gồm TP Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Huế, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Quảng Ninh, Sơn La) giữ nguyên hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành (các quy định về định tuyến, nguyên tắc quay số, khai báo tính cước...).

2. Mã vùng điện thoại cố định của 23 tỉnh/thành phố mới được sắp xếp từ 02 tỉnh/thành phố trở lên theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 (bao gồm Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Lắk, TP HCM, Đồng Nai, Tây Ninh, Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang) thực hiện như sau:

a) Các tỉnh/thành phố mới tạm thời sử dụng song song các mã vùng điện thoại cố định của các tỉnh/thành phố được sắp xếp (ví dụ tỉnh Tuyên Quang mới được sắp xếp từ tỉnh Tuyên Quang (mã vùng 207) và tỉnh Hà Giang (mã vùng 219) thì được sử dụng song song mã vùng 207 và mã vùng 219) theo quy định pháp luật hiện hành cho đến khi có thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Áp dụng nguyên tắc quay số trực tiếp đối với thuê bao điện thoại cố định cùng mã vùng và quay mã vùng đối với số thuê bao điện thoại khác mã vùng

nhưng trong cùng 01 tỉnh/thành phố. Áp dụng mức cước nội hạt cho các thuê bao cùng mã vùng và thuê bao khác mã vùng trong 01 tỉnh/thành phố mới. Trường hợp thuê bao điện thoại cố định thuộc tỉnh/thành phố mới quay số tới thuê bao thuộc tỉnh/thành phố khác và ngược lại thì quay mã vùng và áp dụng mức cước liên tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành.

Ví dụ, tỉnh Tuyên Quang mới (bao gồm 02 mã vùng 207 và 219) thì:

- Thuê bao cùng mã vùng 207 (hoặc mã vùng 219) được quay số trực tiếp và áp dụng mức cước nội hạt.
- Thuê bao thuộc mã vùng 207 quay mã vùng khi quay số tới thuê bao thuộc mã vùng 219 (hoặc ngược lại) và áp dụng mức cước nội hạt.
- Thuê bao thuộc mã vùng 207 (hoặc mã vùng 219) quay mã vùng khi quay số tới thuê bao thuộc mã vùng của tỉnh/thành phố khác (hoặc ngược lại) và áp dụng mức cước liên tỉnh.

3. Mã vùng điện thoại cố định của các tỉnh/thành phố mới được sắp xếp từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh cũ trở lên theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 dự kiến sẽ sử dụng mã vùng đang gắn với tên của tỉnh/thành phố mới (ví dụ hai tỉnh Tuyên Quang (mã vùng 207) và Hà Giang (mã vùng 219) được sắp xếp thành tỉnh Tuyên Quang thì mã vùng của tỉnh Tuyên Quang mới sẽ là 207). Vì vậy, đề nghị các doanh nghiệp viễn thông chủ động tuyên truyền khách hàng của mình, đồng thời lưu ý trong quá trình cung cấp dịch vụ, phát triển thuê bao mới cần theo định hướng quy hoạch mã vùng điện thoại cố định như nêu tại văn bản này.

Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo để các doanh nghiệp viễn thông biết, thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc phát sinh, các doanh nghiệp viễn thông và tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để xem xét, giải quyết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Vụ Pháp chế (để biết);
- Lưu: VT, CVT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đầu mối liên hệ:

Đ/c Nguyễn Tiến Quỳnh - Chuyên viên chính
Phòng Cấp phép và Tài nguyên - Cục Viễn thông
ĐT: 0912.676.486; Email: ntquynh@vnta.gov.vn

Phạm Đức Long

**DANH SÁCH MÃ VÙNG ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRƯỚC VÀ DỰ KIẾN SAU SẮP XẾP**

(Kèm theo công văn số /BKHCN-CVT ngày tháng năm 2025)

1. Mã vùng các tỉnh/thành phố giữ nguyên (11 tỉnh/TP)

STT	Tỉnh/ thành phố	Mã vùng
1.	Cao Bằng	206
2.	Điện Biên	215
3.	Hà Nội	24
4.	Hà Tĩnh	239
5.	Lai Châu	213
6.	Lạng Sơn	205
7.	Nghệ An	238
8.	Quảng Ninh	203
9.	Sơn La	212
10.	Thanh Hóa	237
11.	Thừa Thiên - Huế	234

2. Mã vùng các tỉnh, thành phố trước sắp xếp (52 Tỉnh/TP) và Mã vùng dự kiến sau sắp xếp (23 tỉnh/TP)

STT	Tỉnh/thành phố	Mã vùng hiện hành	STT	Tỉnh/tp tên mới	Mã vùng mới (dự kiến)	Mã vùng tạm thời
1.	Lào Cai	214	1.	Lào Cai	214	214, 216
2.	Yên Bái	216				
3.	Thái Nguyên	208	2.	Thái Nguyên	208	208, 209
4.	Bắc Cạn	209				
5.	Hải Phòng	225	3.	Hải Phòng	225	225, 220
6.	Hải Dương	220				
7.	Tuyên Quang	207	4.	Tuyên Quang	207	207, 219
8.	Hà Giang	219				
9.	Phú Thọ	210	5.	Phú Thọ	210	210, 211, 218
10.	Vĩnh Phúc	211				
11.	Hòa Bình	218				
12.	Bắc Ninh	222				
13.	Bắc Giang	204	6.	Bắc Ninh	222	222, 204
14.	Hưng Yên	221				
15.	Thái Bình	227	7.	Hưng Yên	221	221, 227
16.	Ninh Bình	229				
17.	Hà Nam	226	8.	Ninh Bình	229	229, 226, 228
18.	Nam Định	228				
19.	Quảng Trị	233				
20.	Quảng Bình	232	9.	Quảng Trị	233	233, 232
21.	Đà Nẵng	236				
			10.	Đà Nẵng	236	236, 235

STT	Tỉnh/thành phố	Mã vùng hiện hành	STT	Tỉnh/tp tên mới	Mã vùng mới (dự kiến)	Mã vùng tạm thời
22.	Quảng Nam	235				
23.	Quảng Ngãi	255	11.	Quảng Ngãi	255	255, 260
24.	Kon Tum	260				
25.	Gia Lai	269	12.	Gia Lai	269	269, 256
26.	Bình Định	256				
27.	Khánh Hoà	258	13.	Khánh Hoà	258	258, 259
28.	Ninh Thuận	259				
29.	Lâm Đồng	263	14.	Lâm Đồng	263	263, 252, 261
30.	Bình Thuận	252				
31.	Đắk Nông	261				
32.	Đắk Lắk	262	15.	Đắk Lắk	262	262, 257
33.	Phú Yên	257				
34.	Hồ Chí Minh	28	16.	Hồ Chí Minh	28	28, 254, 274
35.	Bà Rịa - Vũng Tàu	254				
36.	Bình Dương	274				
37.	Đồng Nai	251	17.	Đồng Nai	251	251, 271
38.	Bình Phước	271				
39.	Tây Ninh	276	18.	Tây Ninh	276	276, 272
40.	Long An	272				
41.	Cần Thơ	292	19.	Cần Thơ	292	292, 299, 293
42.	Sóc Trăng	299				
43.	Hậu Giang	293				
44.	Vĩnh Long	270	20.	Vĩnh Long	270	270, 275, 294
45.	Bến Tre	275				
46.	Trà Vinh	294				
47.	Đồng Tháp	277	21.	Đồng Tháp	277	277, 273
48.	Tiền Giang	273				
49.	Cà Mau	290	22.	Cà Mau	290	290, 291
50.	Bạc Liêu	291				
51.	An Giang	296	23.	An Giang	296	296, 297
52.	Kiên Giang	297				